

HIỆP ĐỊNH
VỀ
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TỬ
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên),

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng ở đất nước của họ,

Xem xét pháp luật hiện hành của các Bên liên quan đến việc thi hành án hình sự,

Nhận thức rằng có thể đạt được mục tiêu này bằng cách tạo cơ hội cho công dân của các Bên bị kết án phạt tù do phạm tội, được thi hành hình phạt ở đất nước của mình,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Giải thích từ ngữ

Trong Hiệp định này:

- (a) “bản án” là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;
- (b) “Bên nhận” là Bên mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt hoặc tiếp tục thi hành hình phạt;
- (c) “Bên chuyển giao” là Bên từ đó mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao;
- (d) “hình phạt” là hình phạt tù cố thời hạn hoặc chung thân theo quyết định hoặc lệnh của Tòa án;

(e) “người bị kết án” là người đang thi hành hình phạt tù theo bản án của Toà án được thành lập theo luật pháp hiện hành của các Bên.

ĐIỀU 2

Nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên, các Bên sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án trên lãnh thổ một Bên có thể được chuyển giao sang lãnh thổ Bên kia theo Hiệp định này, để thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó.

3. Việc chuyển giao có thể được yêu cầu bởi người bị kết án là công dân của một Bên hoặc bởi bất kỳ người nào khác cũng là công dân của một Bên và là người đại diện hợp pháp của người bị kết án bằng việc gửi đơn đến một trong hai Bên, phù hợp với pháp luật của Bên đó.

4. Việc chuyển giao người bị kết án cũng có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

ĐIỀU 3

Cơ quan trung ương

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương của các Bên thực hiện Hiệp định này là:

- Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an.
- Đối với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: Bộ An ninh.

3. Trong trường hợp một trong hai Bên thay đổi Cơ quan trung ương của mình thì sẽ thông báo bằng văn bản qua kênh ngoại giao cho Bên kia về việc thay đổi này ngay khi có thể.

4. Cơ quan trung ương của các Bên sẽ liên lạc trực tiếp với nhau vì mục đích của Hiệp định này, trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác.

ĐIỀU 4

Điều kiện chuyển giao

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Người bị kết án là công dân của Bên nhận; có nơi thường trú cuối cùng ở Bên nhận;

(b) Bản án đã có hiệu lực pháp luật và không còn bất kỳ thủ tục tố tụng nào đang chờ tiến hành, bao gồm cả các nghĩa vụ tài chính đối với người bị kết án tại Bên chuyển giao;

(c) Người bị kết án không bị kết án về một tội thuộc lĩnh vực quân sự;

(d) Tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án vẫn còn phải chấp hành hình phạt ít nhất là một (01) năm, trừ trường hợp đặc biệt còn ít nhất sáu (06) tháng hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân;

(e) Tội phạm, mà hình phạt được tuyên bị trùng phạt bằng việc tước quyền tự do theo pháp luật hình sự của Bên nhận;

(f) Việc chuyển giao người bị kết án không được xâm hại tới chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc bất kỳ lợi ích cơ bản nào khác của các Bên;

(g) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án, hoặc trong trường hợp một trong hai Bên khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tâm thần của người bị kết án khi thấy cần thiết, có sự đồng ý của bất kỳ người nào khác đại diện hợp pháp cho người bị kết án phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên đó; và

(h) Bên chuyển giao và Bên nhận đều đồng ý việc chuyển giao.

2. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án sẽ bị từ chối nếu Bên chuyển giao có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo tại Bên nhận.

ĐIỀU 5

Thủ tục chuyển giao

1. Các Bên sẽ nỗ lực thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Bên chuyển giao và Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận ngay khi có thể, đồng thời cung cấp các thông tin sau:

(a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch của người bị kết án và nơi ở cuối cùng hoặc địa chỉ thường trú cuối cùng của người đó tại Bên

nhận (nếu có) cùng với một bản sao hộ chiếu hoặc bất kỳ giấy tờ tùy thân nào khác và nếu có thể, cả dấu vân tay của người bị kết án;

(b) Bản mô tả tình tiết sự kiện làm cơ sở cho việc kết án và tuyên hình phạt;

(c) Bản chất, thời hạn và ngày bắt đầu chấp hành hình phạt, ngày chấp hành xong hình phạt, nếu có, thời gian đã chấp hành hình phạt của người bị kết án và bất kỳ sự miễn giảm hình phạt nào mà người đó được hưởng vì những việc đã làm, do có thái độ cải tạo tốt, do đã bị giam giữ trước khi xét xử hoặc vì lý do khác;

(d) Một bản sao chứng thực bản án và bản sao các quy định pháp luật có liên quan mà căn cứ vào đó hình phạt đã được tuyên đối với người bị kết án;

(e) Một bản báo cáo về tình trạng sức khỏe, quan hệ xã hội hoặc bất kỳ báo cáo nào khác liên quan đến tiêu sử và tính cách của người bị kết án, để làm cơ sở cho việc từ chối đơn xin chuyển giao của người đó hoặc để quyết định biện pháp giam giữ người đó, nếu có;

(f) Các thông tin khác do Bên nhận yêu cầu để giúp cho việc xem xét khả năng chuyển giao người bị kết án và giúp thông báo cho người bị kết án về hệ quả đầy đủ của việc chuyển giao theo luật của Bên nhận; và

(g) Văn bản đề nghị được chuyển giao của người bị kết án hoặc của người đại diện hợp pháp của người đó phù hợp với pháp luật của Bên chuyển giao.

3. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Bên nhận, Bên nhận sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao. Nếu Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì sẽ thông báo ngay khi có thể cho Bên nhận bằng văn bản và cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nếu Bên nhận sau khi xem xét các thông tin do Bên chuyển giao cung cấp, đồng ý tiến hành việc chuyển giao thì thông báo ngay bằng văn bản cho Bên chuyển giao biết và cung cấp các thông tin sau:

(a) Một bản tuyên bố khẳng định người bị kết án này là công dân của Bên nhận phù hợp với quy định của Hiệp định này; và

(b) Một bản sao luật hiện hành của Bên nhận quy định rằng hành động hoặc không hành động làm căn cứ để tuyên hình phạt tại Bên chuyển giao cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận, hoặc có thể cấu thành tội phạm và bị tuyên hình phạt tước tự do nếu thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(c) Một thông báo về hiệu lực của bất kỳ luật hoặc quy định liên quan đến việc giam giữ người bị kết án tại Bên nhận sau khi người này được chuyển giao, kể cả một thông báo về việc áp dụng khoản 2 Điều 8 Hiệp định này đối với việc chuyển giao, nếu có;

(d) Văn bản xác nhận của Bên nhận đồng ý việc chuyển giao người bị kết án và bản cam kết thi hành phần thời hạn hình phạt còn lại của người bị kết án phạt tù; và

(e) Các thông tin hoặc tài liệu khác mà Bên chuyển giao xét thấy cần thiết.

5. Nếu Bên chuyển giao đồng ý với việc chuyển giao thì cung cấp cho Bên nhận những thông tin, tài liệu sau đây ngay khi có thể:

(a) Một bản tuyên bố đồng ý chuyển giao của người bị kết án;

(b) Văn bản khẳng định Bên chuyển giao đồng ý chuyển giao.

6. Khi các Bên đều đồng ý với việc chuyển giao thì sẽ chuẩn bị cho việc chuyển giao người bị kết án. Việc bàn giao người bị kết án từ cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ được thực hiện vào thời gian và địa điểm trên lãnh thổ của Bên chuyển giao được hai Bên thống nhất.

7. Nếu một trong hai Bên quyết định không đồng ý với việc chuyển giao thì thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết ngay khi có thể, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

8. Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho người bị kết án về mọi hoạt động của Bên chuyển giao hoặc Bên nhận theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6

Xác nhận sự đồng ý

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo điểm g khoản 1 Điều 4 Hiệp định này là tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục thể hiện sự đồng ý với việc chuyển giao sẽ tuân theo pháp luật của Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án là phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 7**Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Bên nhận**

Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 của Hiệp định này, các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của Tòa án hoặc quyết định hành chính theo quy định của pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

ĐIỀU 8**Tiếp tục thi hành hình phạt tù**

1. Bên nhận sẽ bị ràng buộc bởi bản chất pháp lý và thời hạn hình phạt của bản án mà Bên chuyển giao đã tuyên.

2. Nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của nước mình quy định đối với tội phạm tương tự. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các kết luận về tình tiết của vụ án được thể hiện trong biên bản làm việc của phiên tòa, cáo trạng, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao tuyên. Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên về bản chất hoặc thời hạn cũng không vượt quá khung hình phạt cao nhất được quy định trong pháp luật của Bên nhận. Tuy nhiên, khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền.

ĐIỀU 9**Hiệu lực của việc thi hành xong hình phạt đối với Bên chuyển giao**

Khi Bên nhận thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao về hình phạt đã được thi hành xong theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có hiệu lực miễn trừ hình phạt của người bị kết án ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 10**Xem xét lại bản án và giảm án, đặc xá, đại xá**

1. Chỉ Bên chuyển giao có thẩm quyền giải quyết đơn xin xem xét lại bản án.

2. Bên chuyển giao hoặc Bên nhận có thể quyết định đặc xá, đại xá hoặc giảm án phù hợp với Hiến pháp và các luật khác của mình.

ĐIỀU 11**Chấm dứt việc thi hành hình phạt**

1. Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản ngay cho Bên nhận bất kỳ quyết định nào được đưa ra trên lãnh thổ của Bên này mà dẫn đến chấm dứt việc thi hành toàn bộ hay một phần hình phạt.

2. Bên nhận sẽ chấm dứt thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt ngay khi Bên chuyển giao thông báo về bất kỳ quyết định hoặc biện pháp nào mà hậu quả là chấm dứt thi hành hình phạt.

ĐIỀU 12**Thông tin về việc thi hành hình phạt**

1. Bên nhận sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao:

(a) Khi hoàn thành việc thi hành hình phạt; hoặc

(b) Khi người bị kết án bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt. Trong trường hợp phạm nhân bỏ trốn, Bên nhận sẽ tiến hành các biện pháp để bắt giữ người đó và truy cứu trách nhiệm người đó vì hành vi bỏ trốn theo quy định pháp luật của Bên nhận.

2. Bên nhận sẽ cung cấp một bản báo cáo đặc biệt về việc thi hành hình phạt nếu Bên chuyển giao yêu cầu.

ĐIỀU 13**Chi phí**

Chi phí phát sinh trong việc chuyển giao người bị kết án hoặc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao do Bên nhận chi trả.

Bên chuyển giao sẽ thông báo chi phí của việc chuyển giao người bị kết án trên lãnh thổ của Bên chuyển giao tới Bên nhận và Bên nhận sẽ chi trả toàn bộ chi phí tại thời điểm chuyển giao.

ĐIỀU 14**Ngôn ngữ**

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu kèm theo phải được lập bằng ngôn ngữ của Bên chuyển giao và được gửi kèm theo một bản dịch tiếng Anh được chứng thực, trừ trường hợp có thỏa thuận giữa các Bên.

ĐIỀU 15**Nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế**

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thoả thuận khác mà các Bên là thành viên.

ĐIỀU 16**Giải quyết bất đồng**

1. Các cơ quan trung ương sẽ nỗ lực giải quyết song phương mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này.
2. Trong trường hợp các cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng, các Bên có thể giải quyết bất đồng thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 17**Bàn giao người bị kết án**

1. Việc bàn giao người bị kết án từ Bên chuyển giao đến Bên nhận được thực hiện tại địa điểm và thời gian do các Bên thỏa thuận. Bên nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển phạm nhân từ Bên chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.
2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập bằng văn bản thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh.

ĐIỀU 18**Sửa đổi**

Hiệp định này có thể được sửa đổi theo đề xuất của một Bên, bất kỳ sửa đổi nào được các Bên thống nhất sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như chính Hiệp định này.

ĐIỀU 19**Điều khoản cuối cùng**

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn theo pháp luật của mỗi Bên. Mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia vào thời điểm sớm nhất có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực sau 30 ngày từ thời điểm nhận được thông báo sau cùng về việc phê chuẩn.

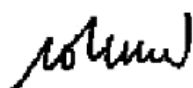
2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Bên gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Bên kia. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo đó.

3. Khi Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với yêu cầu chuyển giao đã được gửi trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

ĐỀ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại thành phố Hà Nội vào ngày 04 tháng 01 năm 2020 bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp này sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

**THAY MẶT
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



TÔ LÂM
Đại tướng - Bộ trưởng Bộ Công an

**THAY MẶT
CỘNG HÒA
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**



Vilay LAKHAMPHONG
Thượng tướng - Bộ trưởng Bộ An ninh

ສິນທິສັນຍາ
ວ່າດ້ວຍ ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ
ລະຫວ່າງ
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ
ແລະ
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ຊຶ່ງຕໍ່ໄປນີ້ ເອີ້ນລວມກັນວ່າ "ຮູບເກຕີ";

ໂດຍປາກຮຸກ ເມື່ອອຳນວຍຄວາມສະດວກໃຫ້ແກ່ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໄດ້ຮັບການມີນຸ່ງຮັບຄົນຮູ້ສິ່ງຄົມ ຢູ່ໃນປະເທດຂອງຕົນ;

ໂດຍຮູ້ກັນດີ ກົດໝາຍ ຂອງຮູບເກຕີ ທີ່ມີຜົນສັກສິດ ກ່ຽວກັບການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດທາງອາຍາ;

ໂດຍຮັບຮູ້ວ່າ ຈຸດປະສົງ ແລະ ວິໄນທາຍຂອງສິນທິສັນຍາລະບົບນີ້ ເມື່ອໃຫ້ໂອກາດແກ່ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດທາງອາຍາ ຊຶ່ງເປັນຜົນລະບົບຂອງຮູບເກຕີ ໄດ້ສືບຕໍ່ໄປປະຕິບັດໂທດຢູ່ປະເທດຂອງຕົນ;

ໄດ້ຕົກລົງກັນດັ່ງນີ້:

ມາດຕາ 1

ການອະທິບາຍຄຳສັບ

ຄຳສັບທີ່ນຳໃຊ້ໃນສິນທິສັນຍາລະບົບນີ້ ມີຄວາມໝາຍດັ່ງນີ້:

- ກ. "ຄຳຕັດສິນ" ໝາຍເຖິງ ຄຳຕັດສິນ ຫຼື ຄຳຄິດເຫລາະ ຂອງສານ ເພື່ອລົງໂທດ;
- ຂ. "ນາຄິດຝ່າຍຮັບ" ໝາຍເຖິງ ລັດ ຊຶ່ງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ອາດຈະຖືກໂອນຕົວໃຫ້ ຫຼື ໄດ້ຮັບການໂອນຕົວໃຫ້ ເມື່ອສືບຕໍ່ປະຕິບັດຄຳຕັດສິນ ຫຼື ປະຕິບັດໂທດທີ່ຍັງເຫຼືອ;
- ຄ. "ນາຄິດຝ່າຍໂອນ" ໝາຍເຖິງ ລັດ ທີ່ອາດຈະໂອນ ຫຼື ໄດ້ໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;
- ງ. "ການຕັດສິນລົງໂທດ" ໝາຍເຖິງ ການລົງໂທດຕັດສິດສະຫຼະພາບ ທີ່ມີກຳນົດ ຫຼື ຕະຫຼອດຊີວິດ ຕາມຄຳຕັດສິນຂອງສານ ຫຼື ຄຳສັ່ງຂອງສານ;
- ຈ. "ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ" ໝາຍເຖິງ ບຸກຄົນທີ່ກຳລັງຖືກປະຕິບັດໂທດຕັດສິດສະຫຼະພາບ ຕາມຄຳຕັດສິນຂອງສານທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍທີ່ມີຜົນສັກສິດ ຂອງຮູບເກຕີ;

ມາດຕາ 2

ຖັດຮາຍສົ່ງໄປ

- 1. ຮູບເກຕີ ຕ້ອງໃຊ້ຢັ້ງຢືນຕາມກົດໝາຍໃນການຮ່ວມມືເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ໃນການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍຂອງຮູບເກຕີ ແລະ ສິນທິສັນຍາລະບົບນີ້;

2. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ຢູ່ໃນຕົ້ນແຖນຂອງພາຄີຝ່າຍໜຶ່ງ ອາດຈະຖືກໂອນຕົວ ຕາມສິນທິສັນຍາ ສະບັບນີ້ ໄປຢູ່ໃນຕົ້ນແຖນຂອງພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງ ເມື່ອໃຫ້ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ສົມບັດປະຕິບັດໂທດ ຕາມການຕັດສິນລົງໂທດ ຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ;

3. ການໂອນຕົວອາດຖືກຮ້ອງຂໍໂດຍ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ບຸກຄົນທີ່ເປັນຜົນລະໄດ້ຂອງພາຄີໂດຍໜຶ່ງ ທີ່ ມີສິດທາງກົດໝາຍຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ດ້ວຍການຮັດກັບຮູ້ສະໜອງໃຈຜູ້ຮຽນຮ້າຍພາຄີຝ່າຍໂດຍໜຶ່ງ ໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບກົດ ໝາຍຂອງຜູ້ຮຽນຮ້າຍ;

4. ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ອາດຈະຖືກຮ້ອງຂໍໂດຍພາຄີຝ່າຍໂອນ ຫຼື ພາຄີຝ່າຍຮັບ.

ມາດຕາ 3

ອົງການໃຈກາງ

1. ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້, ຄູ່ພາຄີກ້ອງແຕ່ງຕັ້ງອົງການໃຈກາງຂອງຕົນ.

2. ອົງການໃຈກາງທີ່ມີຄວາມຮັບຜິດຊອບ ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ຄື:

- ສຳລັບ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແມ່ນກະຊວງກຳຫຼວດ;
- ສຳລັບ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແມ່ນກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ;

3. ໃນກໍລະນີ ພາຄີຝ່າຍໜຶ່ງຫາກມີການປ່ຽນແປງອົງການໃຈກາງຂອງຕົນ ຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລະອຽດອັກສອນ ໃຫ້ພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບຢ່າງຍືນຍານ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ;

4. ເມື່ອບັນດາຊາວປະສົງຂອງສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ອົງການໃຈກາງຂອງຜູ້ພາຄີ ອາດພົວພັນກັນໂດຍກົງ, ປົກກະລັດ ກໍລະນີສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄດ້ກຳນົດເປັນຢ່າງອື່ນ.

ມາດຕາ 4

ເງື່ອນໄຂການໂອນຕົວ

1. ໂດຍພາຍໃຕ້ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກໂອນຕົວໄດ້ ຕາມເງື່ອນໄຂດັ່ງນີ້:

ກ. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຕ້ອງແມ່ນຜົນລະໄດ້ຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ຊຶ່ງມີທີ່ຢູ່ພ້ອມລູກທ້າຍ ໃນຕົ້ນແຖນ ຂອງ ພາຄີຝ່າຍຮັບ;

ຂ. ຄຳຕັດສິນ ຫຼື ຄຳພິພາກສາ ຂອງສານທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເກັດຂາດແລ້ວ ແລະ ບໍ່ມີການຝຶງຝັນກັບ ການຕົກ ເປັນຄະດີໃດໜຶ່ງ ທີ່ກຳລັງລໍຖ້າການພິຈາລະນາຕໍ່ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຢູ່ໃນຕົ້ນແຖນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ; ລວມທັງ ອັດຕະໂນຄຳເສຍຫາຍ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ເກີດຂຶ້ນຢູ່ໃນຕົ້ນແຖນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ.

ຄ. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ບໍ່ໄດ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ການກະທຳຜິດທາງທະຫານ;

ງ. ໃນເວລາທີ່ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງສຳລັບການໂອນຕົວ, ໄລຍະເວລາການປະຕິບັດໂທດຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນ ລົງໂທດ ຢ່າງໜ້ອຍຕ້ອງມີເງື່ອນໄຂຕໍ່າກວ່າ ໜຶ່ງ ປີ, ຫຼື ຫຼາຍກວ່າເມື່ອມີເວລາ ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຕ້ອງມີເງື່ອນໄຂ ຕໍ່າກວ່າ ຫ້ອນ ຫຼື ຖືກໂທດກັດອັດສະລະພາບຕາງອອກຊີວິດ;

ຈ. ການກະທຳຜິດທີ່ເປັນສົມບູນຂອງການຕັດສິນລົງໂທດ ຕ້ອງແມ່ນການກະທຳຜິດທາງອາຍາ ຕາມກົດໝາຍ ຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ;

ສ. ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ບໍ່ແກະຕ້ອງເຖິງ ອຳນາດອະນິຍະໄດ, ຄວາມໝັ້ນຄົງຂອງຊາດ ຫຼື ຜົນປະໂຫຍດເປັນກຸ່ມອື່ນ ຂອງຜູ້ຜາກີ;

ຊ. ການໂອນຕົວ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການເຫັນດີຈາກ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ຈາກຜູ້ປົກປ້ອງທາງກົດໝາຍ ສິ່ງຜູ້ຜາກີຝ່າຍໜຶ່ງເຫັນວ່າມີຄວາມຈຳເປັນ ຍ້ອນເງື່ອນໄຂທາງກົດໝາຍກະສຽນ ຫຼື ການຜ່າກັນ ທາງກົດໝາຍ ແລະ ທາງສະໝອງ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;

ບ. ຖ່ຳຜາກີ ຝ່າຍໂອນ ແລະ ຝ່າຍຮັບ ລ້ວນແຕ່ເຫັນດີກ່ຳການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ.

2. ການຮ້ອງຂໍໃຫ້ມີການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກປະຕິເສດໄດ້ ຖ້າວ່າ ຜາກີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ ມີການອ້າງອີງວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກ ທຳລາຍ ຫຼື ການລົງໂທດຢ່າງໂຫດຮ້າຍສາມາດ, ບໍ່ມີ ມະນຸດສະທຳ ຈາກຜາກີຝ່າຍຮັບ.

ມາດຕາ 5

ຂໍ້ນາອະນາໄມໂອນຕົວ

1. ຖ່ຳຜາກີ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຊາຍ ກ່ຽວກັບເນື້ອໃນສິນທີ່ສະຍາສະໄໝນີ້;

2. ຖ້າວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດລະແດງເຈດຈຳນົງເຖິງຜາກີຝ່າຍໂອນ ເພື່ອຂໍໃຫ້ໂອນຕົວ ແລະ ຜາກີຝ່າຍ ໂອນກໍ່ມີຄວາມເຫັນພ້ອມດ້ານຫຼັກການ ຕໍ່ການອະນິຍາຍຈຳນົງຂອງການໂອນນັ້ນ, ຜາກີຝ່າຍໂອນຈະແຈ້ງໃຫ້ຜາກີ ຝ່າຍຮັບຊາຍເປັນລາຍລັກສຶກສອນຢ່າງຫັນການ ພ້ອມທັງສະໜອງຂໍ້ມູນດັ່ງ ຕໍ່ໄປນີ້:

(ກ). ຊື່ ແລະ ນາມສະກຸນ, ວັນ ເດືອນ ປີ ເກີດ, ສະຖານທີ່ເກີດ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ, ສັນຊາດ ແລະ ຫຼື ຢູ່ຖາວອນ ຫຼື ບ່ອນຢູ່ອາໄສທຸກກິດຂອງຜູ້ກ່ຽວ ໃນຜາກີຝ່າຍຮັບພ້ອມດ້ວຍອັດສະໂນາຍໂງ່ສິດເດີນທາງ ຫຼື ເອກະສານສົ່ງຢືນສະຖານະພາບ ແລະ ລາຍເລື່ອງມີ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຂ). ຄຳຖະແຫຼງການກະທຳຜິດ ທີ່ເປັນຢ່ອນອົງສຳລັບການວາງໂທດ ແລະ ຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຄ). ເນື້ອໃນການລົງໂທດ, ໄລຍະການປະຕິບັດໂທດ, ວັນ ເລີ່ມຕົ້ນ ແລະ ສິ້ນສຸດ ການປະຕິບັດໂທດ, ໄລຍະເວລາຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໄດ້ປະຕິບັດໂທດຢ່າງພາວ້ວ ແລະ ການຜູ້ຮ່ວມໂທດໂດຍໜຶ່ງ ທີ່ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ຮັບ ຍ້ອນມີຜົນງານດີ, ຄວາມປະຊິດດີ, ການຖືກກັກຂັງ ກ່ອນການຕັດສິນຄະດີ ຫຼື ເຫດຜົນ ອື່ນໆ;

(ງ). ສຳນຳຄຳຕັດສິນ ແລະ ຂໍ້ມູນ ກ່ຽວກັບກົດໝາຍ ທີ່ເປັນຢ່ອນອົງສຳລັບການຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຈ). ບົດລາຍງານ ກ່ຽວກັບການຢັ້ງຢືນສະພາບ, ການປົວທັນສັງຄົມ ແລະ ປະຫວັດ ການຮ້ອນໄຫວອື່ນໆ ລວມທັງບຸກຄະລິກກະພາບຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ເພື່ອເປັນຜົນຖານໃຫ້ແກ່ການປະຕິເສດ ຄຳຮ້ອງຂໍການໂອນຕົວຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ເພື່ອກຳນົດມາດຕະການກັກຂັງ ຕໍ່ຜູ້ກ່ຽວ;

(ສ). ຂໍ້ມູນອື່ນ ທີ່ຜາກີຝ່າຍຮັບສະເໜີມາ ເພື່ອຊ່ວຍໃຫ້ແກ່ການຜິຈາລະນາຄວາມເປັນໄປໄດ້ ຂອງການ ໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຊາຍຢ່າງຄົບຖ້ວນ ກ່ຽວກັບການໂອນຕົວຜູ້ກ່ຽວ ຕາມກົດໝາຍຂອງຜາກີຝ່າຍຮັບ;

(ຊ). ຄຳຮ້ອງຂໍໂອນຕົວ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ຜູ້ປົກປ້ອງທາງກົດໝາຍຂອງຜູ້ກ່ຽວ ຕ້ອງ ສອດຄ່ອງ ກັບກົດໝາຍຂອງຜາກີຝ່າຍໂອນ.

3. ຖ້າວ່າ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດສະແດງຈາດຈຳນົງ ເຖິງພາສີຝ່າຍຮັບເມື່ອຂໍໂອນຕົວ, ພາສີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງ ແຈ້ງ ຕາດຈຳນົງດັ່ງກ່າວ ໃຫ້ພາສີຝ່າຍໂອນໂດຍເປັນລາຍລັກອັກສອນ, ຖ້າວ່າພາສີຝ່າຍໂອນ ຫາກວັດນິທາງດ້ານ ຖັກຫານ ກ່ຽວກັບການຮ້ອງຂໍໂອນຕົວ, ພາສີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ພາສີຝ່າຍຮັບຊາຍເປັນລາຍລັກອັກສອນ ແລະ ສະໜອງຂໍ້ມູນ ຍິ່ງກ່ຽວ ຂ່ອງຟ້າງຕີບຖ່ວມ ດັ່ງທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ຂອງມາດຕານີ້.

4. ຖ້າວ່າ ພາສີຝ່າຍຮັບໄດ້ຝ່າຈະນາຂໍ້ມູນ ທີ່ໄດ້ຮັບຈາກພາສີຝ່າຍໂອນແລ້ວ, ພາສີຝ່າຍຮັບຍັງຍາກສືບຕໍ່ ດຳເນີນການໂອນຕົວ; ພາສີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງແຈ້ງ ໃຫ້ພາສີຝ່າຍໂອນຊາຍເປັນລາຍລັກອັກສອນຢ່າງອັດຕະໂນ ແລະ ສະ ໜອງຂໍ້ມູນໃຫ້ ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

- (ກ). ຫ້າງສີ່ຍິ່ງຍິນ ການເປັນມົນລະມືອງຂອງພາສີຝ່າຍຮັບ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບສິນທິສັນຍາ ສະບັບນີ້;
- (ຂ). ສຳເນົາກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງພາສີຝ່າຍຮັບ ທີ່ໄດ້ກຳນົດການກະທຳ ຫຼື ການເມີນສືບ ອັນເປັນ ສາເຫດໃຫ້ມີການຕັດສິນລົງໂທດ ຊຶ່ງພາສີຝ່າຍໂອນ ຖືເປັນຄວາມເສີກຫາງອາຍາ ຕາມກົດໝາຍຂອງພາສີຝ່າຍຮັບ ຫຼື ຈະເປັນການກະທຳຝິດທາງອາຍາ ແລະ ຖືກຕັດສິນຕັດອິດສະຫຼະພາບ ຖ້າວ່າກະທຳຢູ່ໃນດິນແດນຂອງພາສີຝ່າຍຮັບ;
- (ຄ). ຫ້າງສີ່ຍິ່ງຍິນ ກ່ຽວກັບກົດໝາຍ ຫຼື ລະບຽບການຕ່າງໆ ທີ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ໃນຢັດຈຸບັນ ຊຶ່ງຜິວຜົມ ກັບຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ແລະ ກ່ຽວຂ້ອງກັບການຄຸມສິ່ງຜູ້ກ່ຽວ ຢູ່ໃນຂະໜາດພາສີຝ່າຍຮັບພາຍຫຼັງການໂອນຕົວ ແລ້ວ, ລວມທັງເອກະສານຕ່າງໆ ທີ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ມາດຕາ 8 ຂອງສິນທິສັນຍາ ສະບັບນີ້;
- (ງ). ຫ້າງສີ່ຍິ່ງຍິນ ຂອງພາສີຝ່າຍຮັບຕົກລົງຕໍ່ນະຄົນການຮັບເອົາການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ແລະ ຫ້າງສີ່ຍິ່ງຍິນຮັບປະກັນ ເດັກນ້ອຍຕໍ່ປະຕິບັດໂທດທີ່ຍັງເຫຼືອ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;
- (ຈ). ບັນດາຂໍ້ມູນ ຫຼື ເອກະສານສື່ນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຊຶ່ງພາສີຝ່າຍໂອນເຫັນວ່າມີຄວາມຈຳເປັນຕ້ອງ ຝ່າຈະນາ.

5. ຖ້າວ່າພາສີຝ່າຍໂອນຈົກລົງເຫັນດີໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ພາສີຝ່າຍໂອນຕ້ອງສະໜອງຂໍ້ມູນ ແລະ ເອກະສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງໃຫ້ພາສີຝ່າຍຮັບໂດຍອັດຕະໂນ ດັ່ງນີ້:

- (ກ). ຫ້າງສີ່ຍິ່ງຍິນຕົກລົງເຫັນດີໃຫ້ໂອນຕົວ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;
- (ຂ). ຂໍ້ຕົກລົງເຫັນດີໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຂອງພາສີຝ່າຍໂອນ.

6. ເມື່ອຢູ່ພາສີຝ່າຍຮັບຝ່າຍຮັບໃຫ້ການໂອນຕົວແລ້ວ ຜູ້ພາສີກໍ່ຈະດຳເນີນການສະກຽມການໂອນຕົວຜູ້ຖືກ ຕັດສິນລົງໂທດ. ການມອບໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໂດຍຜ່ານອົງການໃຈກາງຂອງພາສີຝ່າຍໂອນ ໃຫ້ແກ່ ອົງການໃຈກາງຂອງພາສີຝ່າຍຮັບ ຈະໄດ້ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໃນ ວັນ, ເວລາ ແລະ ສະຖານທີ່ຢູ່ໃນດິນແດນ ຂອງພາສີ ຝ່າຍໂອນ ຕາມການຕົກລົງເຫັນດີເປັນເອກະພາບ ຂອງຜູ້ພາສີທັງສອງຝ່າຍ;

7. ຖ້າວ່າຜູ້ພາສີຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງບໍ່ເຫັນດີ ຕໍ່ການໂອນຕົວ, ພາສີຝ່າຍນັ້ນ ຈະແຈ້ງໃຫ້ພາສີອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາຍ ເປັນ ລາຍລັກອັກສອນ, ຊຶ່ງລະບຸເຫດຜົນທີ່ບໍ່ເຫັນດີຢ່າງລະອຽດ.

8. ພາສີຝ່າຍໂອນຈະຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໃຫ້ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຮັບຜູ້ການດຳເນີນການ ໃນ ການໂອນຕົວຂອງ ຜູ້ພາສີ ຕາມທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນມາດຕານີ້.

ມາດຕາ 6

ການຢັ້ງຢືນຕິກຳລິງໂທດ

1. ມາຄົຝ່າຍໂອນ ຈະຕ້ອງຮັບປະກັນວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຍືນຍອມຕໍ່ການໂອນຕົວ ໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງຕາມ ວັດ (ຊ) ຂໍ້ 1 ຂອງ ມາດຕາ 4 ມາຍໄດ້ສິນທີ່ສິນຍາລະບັບນີ້ ດ້ວຍຄວາມສະໝັກໃຈ ແລະ ຮັບຮູ້ຢ່າງຄົບຖ້ວນ ຕໍ່ສິນສະຜ່ອນທາງກົດໝາຍຂອງການໂອນຕົວ. ຂຶ້ນຕອມໃນການເຫັນດີກ່ຽວກັບການໂອນຕົວນັ້ນ ຈະຕ້ອງປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍຂອງມາຄົຝ່າຍໂອນ;

2. ມາຄົຝ່າຍໂອນ ຈະຕ້ອງສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ແກ່ມາຄົຝ່າຍຮັບ ໃນການກວດສອບ ການຢັ້ງຢືນ ຕິກຳລິງໂທດຂອງ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບບັນດາເງື່ອນໄຂທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 1 ຂອງມາດຕານີ້.

ມາດຕາ 7

ສິນຍາລະບັບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສິນຍາຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບ

1. ອົງການໃຈກາງຂອງຝ່າຍຝ່າຍຮັບ ຈະສືບຕໍ່ປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ຕາມຄຳຕັດສິນ ຂອງສານ ຫຼື ຂໍ້ກຳນົດກົດລະບຽບທາງດ້ານບໍລິຫານ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍ ແລະ ບັນດາເງື່ອນໄຂ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນມາດຕາ 8 ຂອງສິນຍາລະບັບນີ້.

2. ຢຶດຕົວບັນດາຈຳລະນີທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ມາດຕາ 10 ຂອງສິນຍາລະບັບນີ້.

ມາດຕາ 8

ການສືບຕໍ່ການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ

1. ມາຄົຝ່າຍຮັບຈະມີຜິດພາດໃນການປະຕິບັດໂທດ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນກົດໝາຍ ແລະ ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຂອງຄຳຕັດສິນທີ່ມາຄົຝ່າຍໂອນ ໄດ້ກຳນົດ;

2. ຖ້າວ່າຄຳຕັດສິນລົງໂທດຫາກບໍ່ສອດຄ່ອງທາງດ້ານເນື້ອໃນຂອງການລົງໂທດ ຫຼື ໄລຍະເວລາ ຂອງການປະຕິບັດໂທດຕາມກົດໝາຍ ແລະ ລະບຽບການຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບ, ມາຄົຝ່າຍຮັບອາດຈະຕັດຢັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດນັ້ນໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ລະບຸໃນກົດໝາຍຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບ;

ຕໍ່ກັບການກະທຳຜິດໃນສະຖານຄວາມຜິດທີ່ຄ້າຍຄືກັນ ເມື່ອມີການຕັດຢັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ, ອົງການທີ່ກ່ຽວ ຂ້ອງ ຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບ ຈະຕ້ອງອົງໄວ້ຫຼັງການທາງດ້ານເອກະສານ ຕັ້ງມາຄົຝ່າຍໂອນ ໄດ້ປ່ຽນເຂົ້າໃນການຕັດສິນລົງ ໂທດນັ້ນ.

ໂທດທີ່ຕັດຢັບໃໝ່ນັ້ນ ຈະຕ້ອງປະຕິບັດໂທດບໍ່ຄົບຖ້ວນວ່າຄຳຕັດສິນ ຂອງມາຄົຝ່າຍໂອນ ລວມທັງດ້ານເນື້ອໃນຂອງການລົງໂທດ ຫຼື ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຫຼື ບໍ່ເກີນໂທດສູງສຸດ ຕາມທີ່ລະບຸໄວ້ໃນກົດໝາຍຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບ. ຕັ້ງຢ່າງໃດກໍຕາມ ການຕັດຢັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ, ອົງການໃຈກາງຂອງມາຄົຝ່າຍຮັບຈະບໍ່ປ່ຽນໂທດ ຕັດສິດສະເລ່ຍເປັນໂທດປົບໄໝ ແຕ່ຢ່າງໃດ.

ມາດຕາ 9

ການປະຕິບັດຄຳຈັດສັນລົງໂທດທີ່ສຳເລັດແລ້ວຢູ່ພາກີຝ່າຍໂອນ

ເມື່ອພາກີຝ່າຍຮັບ ໄດ້ປະຕິບັດໂທດຕໍ່ໂຕອິດສະຫຼະພາບຕາມກຳນົດ ທີ່ສາມຕົ້ນສິ້ນແລ້ວ ຕ້ອງແຈ້ງຢ່າງ ເປັນລາຍຊື່ກຳສອນໃຫ້ພາກີຝ່າຍໂອນຊາຍ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 1 (ກ) ມາດຕາ 12 ຂອງສົມທົບສາ ສະບັບນີ້, ແຈ້ງການສະບັບດັ່ງກ່າວ ຈະມີຜົນຕໍ່ການປົກຄອງການຈັດສັນລົງໂທດ ຢູ່ໃນຄູ່ສັນຍາຝ່າຍໂອນ.

ມາດຕາ 10

ການປິ່ນຈາລະນາກິນໃໝ່ຂອງ ຄຳພິພາດສາ ແລະ ການຫຼຸດຜ່ອນໂທດ, ການອະໄນຍະໂທດ, ນິລະໂທດສະກຳ

1. ພາກີຝ່າຍໂອນເທົ່ານັ້ນ ທີ່ມີສິດຮຳໂຂດຄຳຮ້ອງຂໍການປິ່ນຈາລະນາກິນໃໝ່ຂອງຄຳພິພາດສາ.

2. ຄູ່ພາກີຝ່າຍໂອນ ຫຼື ພາກີຝ່າຍຮັບ ອາດຈະຕົກລົງອະນຸຍາດໃຫ້ອະໄນຍະໂທດ, ນິລະໂທດສະກຳ ຫຼື ການ ຫຼຸດຜ່ອນໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງຕາມລັດຖະທຳມະນູນ ແລະ ກົດໝາຍພາຍໃນຂອງຕົນ.

ມາດຕາ 11

ການສິ້ນສຸດການປະຕິບັດການລົງໂທດ

1. ພາກີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ພາກີຝ່າຍຮັບຊາຍຢ່າງທັນການ ກ່ຽວກັບ ລະບຽບ ການ ຫຼື ມາດຕະການ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ຢູ່ໃນລັດຂອງພາກີຝ່າຍໂອນ ທີ່ມີຜົນຕໍ່ການປະຕິບັດການລົງໂທດ ທັງໝົດ ຫຼື ສ່ວນໃດໜຶ່ງ;

2. ພາກີຝ່າຍຮັບ ຕ້ອງປົກຄອງການປະຕິບັດການລົງໂທດ ທັງໝົດ ຫຼື ສ່ວນໃດໜຶ່ງ ຢ່າງທັນການ ໃນເມື່ອ ພາກີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ແຈ້ງກ່ຽວກັບ ລະບຽບການ ຫຼື ມາດຕະການ ທີ່ມີຜົນຕໍ່ການຕັດສິນລົງໂທດ.

ມາດຕາ 12

ຂໍ້ມູນກ່ຽວກັບການປະຕິບັດການລົງໂທດ

1. ພາກີຝ່າຍຮັບ ຈະຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ພາກີຝ່າຍໂອນຊາຍ:

(ກ). ເມື່ອສຳເລັດການປະຕິບັດການລົງໂທດ;

(ຂ). ຖ້າວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດໄດ້ໂຕນໜີຈາກສະຖານທີ່ອຸມສັງ ຫຼື ເສຍຊີວິດ ກ່ອນກຳນົດການປະຕິບັດ ໂທດສຳເລັດຕາມຄຳຈັດສັນຂອງສານ. ໃນກໍລະນີຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດໂຕນໜີ, ພາກີຝ່າຍຮັບຈະດຳເນີນທຸກມາດ ຕະການ ເມື່ອຈັບກຸມ ແລະ ນຳເອົາຜູ້ກ່ຽວມາຮັບໂທດເພີ່ມ ຕາມກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງພາກີຝ່າຍຮັບ.

2. ພາກີຝ່າຍຮັບ ຈະສະໜອງຂໍ້ມູນກ່ຽວກັບການປະຕິບັດຄຳຈັດສັນລົງໂທດ, ຖ້າວ່າພາກີຝ່າຍໂອນຫາກມີ ຄວາມຕ້ອງການ.

ມາດຕາ 13

ຕຳໃຊ້ຈ່າຍ

ຕຳໃຊ້ຈ່າຍຕ່າງໆ ທີ່ຕົກເປັນຈາກການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ການສິ້ນຄຳການປະຕິບັດຄຳຈັດສັນ ລົງໂທດ ພາຍຫຼັງການໂອນຕົວ ເປັນຄວາມຮັບຜິດຊອບຂອງພາກີຝ່າຍຮັບ.

ມາຄີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງຄ່າໃຊ້ຈ່າຍຕ່າງໆ ຈາກການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຢູ່ໃນກິນແດນຂອງມາຄີຝ່າຍໂອນ ໃຫ້ມາ ຄືຝ່າຍຮັບຊາບຜ່ວງໜ້າ ແລະ ມາຄີຝ່າຍຮັບຄ່ອງຊ່າລະຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນເວລາມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ.

ມາດຕາ 14

ມາສາ

ການຮ້ອງຂໍ ແລະ ການແໜ້ນອຸກອາລາມຕ່າງໆ ຈະຕ້ອງເປັນພາສາຂອງມາຄີຝ່າຍໂອນ ແລະ ຈະຕ້ອງໄດ້ຮັບການຟັງຟັງໃນການແປເປັນພາສາອັງກິດ ເວັ້ນແຕ່ແຕ່ໄດ້ຮັບການຕົກລົງເຫັນດີ ຂອງມາຄີບັງຄອງຝ່າຍ.

ມາດຕາ 15

ຜົນທະນາຍໃດໜຶ່ງທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າອື່ນໆ

ສິນທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າອື່ນໆ ຈະບໍ່ມີຜົນກະທົບຕໍ່ສິດ ແລະ ຜົນທະ ຂອງຄູ່ມາຄີພາຍໃຕ້ສິນທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າ ຫຼື ສິນຍາກກວ່າອື່ນໆ ທີ່ຄູ່ມາຄີເປັນມາຄີ.

ມາດຕາ 16

ການແກ້ໄຂຂໍ້ຂັດແຍ່ງ

- 1. ອົງການໃຈກາງ ຈະເປັນເຈົ້າການແກ້ໄຂເຫຼາະຂໍ້ຂັດແຍ່ງ ທີ່ເກີດຂຶ້ນລະຫວ່າງສອງຝ່າຍຢ່າງຕໍ່ໆໜ້າ ທີ່ເກີດຈາກການຕົກລວມໝາຍ, ການນຳໃຊ້ ຫຼື ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສິນທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າ.
- 2. ຖ້າວ່າ ອົງການໃຈກາງບໍ່ສາມາດຕົກລົງກັນໄດ້, ຂໍ້ຂັດແຍ່ງຈະຖືກແກ້ໄຂໂດຍຜ່ານທາງການເສດ.

ມາດຕາ 17

ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ

- 1. ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈາກມາຄີຝ່າຍໂອນຫາມາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະໄດ້ເກີດມີນາມ ວັນ, ເວລາ ແລະ ສະຖານທີ່ ຊຶ່ງຄູ່ມາຄີບັງຄອງຝ່າຍໄດ້ຕົກລົງເຫັນດີ. ມາຄີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງຮັບຜິດຊອບ ກ່ຽວກັບການເຄື່ອນຍ້າຍຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈາກມາຄີຝ່າຍໂອນ ແລະ ຮັບຜິດຊອບ ກ່ຽວກັບການຄຸມຂັງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຢູ່ນອກກິນແດນຂອງມາຄີຝ່າຍໂອນ;
- 2. ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈະຕ້ອງຂຽນແຜນລາຍລັກອັກສອນ ເປັນພາສາທອງກາມ, ພາສາລາວ ແລະ ພາສາ ອັງກິດ;

ມາດຕາ 18

ການຕົກລົງສິນທີ່ສິ້ນສຸດ

ສິນທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າ ອາດຈະໄດ້ຮັບການຕົກລົງເປັນຜົນຖານການສະໜອງຄູ່ມາຄີໃດໜຶ່ງ, ການຕົກລົງໃດໜຶ່ງ ຄ່ອງໄດ້ຮັບການຕົກລົງເຫັນດີເປັນຜົນຖານກັນ ຈາກຄູ່ມາຄີບັງຄອງຝ່າຍ ແລະ ຈະມີຜົນສັກສິດຢ່າງແທນສິນທີ່ສິ້ນສຸດຍາກກວ່າ.

ມາດຕາ 19
ບົດບັນຍັດສູນກາຍ

1. ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະໃຫ້ສິດກະທຳບັນ ມາຍໃຕ້ກົດໝາຍຂອງຄູ່ມາດຕິແຕ່ລະຝ່າຍ. ຄູ່ມາດຕິ ແຕ່ລະຝ່າຍ ຈະແຈ້ງເປັນລາຍລັກສອນໃຫ້ສື່ກຳລັງຂ່າຍຢ່າງປິ່ນປົນ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ, ການສຳລັດຂຶ້ນຕອນລາຍ ໃນທາງດ້ານກົດໝາຍອັນຈຳເປັນຂອງຕົນ ເພື່ອເຮັດໃຫ້ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້. ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະມີຜົນ ບັງຄັບໃຊ້ມາຍຫຼັງ 30 ວັນ ນັບແຕ່ມື້ທີ່ໄດ້ຮັບແຈ້ງການ.

2. ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຈົນກວ່າຈະມີການປົກເຮັດໂດຍຄູ່ມາດຕິຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງ ໂດຍການແຈ້ງ ເປັນລາຍລັກສອນໄປຍັງຄູ່ມາດຕິອີກຝ່າຍໜຶ່ງ. ສິນທິສັນຍາຈະຖືກປົກເຮັດມາຍຫຼັງ 180 ວັນ ນັບແຕ່ມື້ທີ່ໄດ້ຮັບ ແຈ້ງການ.

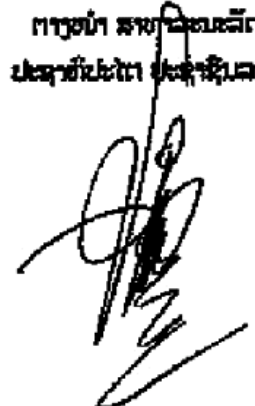
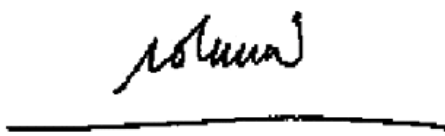
3. ໃນເມື່ອມີການປົກເຮັດສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ຕາມ, ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຍັງສືບຕໍ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຕໍ່ ການຮ້ອງຂໍໂອນຕົວຜູ້ຖືກກົດສັນລິງໂທດ ທີ່ໄດ້ມີຄຳຮ້ອງກ່ອນໜ້າ ຂອງວັນປົກເຮັດສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

ເພື່ອເປັນຫຼັກຖານ, ຜູ້ລົງນາມທີ່ໄດ້ຮັບການມອບສຳນຸດຢ່າງຖືກຕ້ອງຈາກລັດຖະບານ ຈຶ່ງໄດ້ລົງນາມໃນ ສິນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້.

ເຮັດທີ່ ນະຄອນຫຼວງວິນ ສສ. ຫວຽດນາມ, ໃນວັນທີ 4 ມັງກອນ 2020, ເປັນ 02 ສະບັບຕົ້ນ, ມາສາ ຫວຽດນາມ, ມາສາລາວ ແລະ ມາສາອັງກິດ, ແຕ່ລະສະບັບມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ. ໃນກໍລະນີທີ່ມີ ການສຳລວມໝາຍ ແຕກຕ່າງກັນ ໃຫ້ໃຊ້ສະບັບມາສາອັງກິດເປັນປອນອີງ.

ຕາງໜ້າ ສາທາລະນະລັດ
ສິງກັບນີປຶມຫວຽດນາມ

ຕາງໜ້າ ສາທາລະນະລັດ
ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ



ໄຕເລີມ
ຜົນສາ - ລັດຖະມົນຕີ ກະຊວງ ຕ່າງທູດ

ວິໄລ ຫຼ້າຄຳຜ່ອງ
ຜົນໄທ - ລັດຖະມົນຕີ ກະຊວງ ຍ້ອງຍົກຄວາມສະຫງົບ

TREATY
ON
THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

The Socialist Republic of Viet Nam and The Lao People's Democratic Republic (hereinafter referred to individually as the Party and collectively as the Parties),

Desiring to facilitate the social rehabilitation of sentenced persons into their own countries,

Taking into consideration the laws of the Parties in force regarding enforcement of penal sentences,

Considering that this objective should be fulfilled by giving citizens of the Parties, who have been convicted and sentenced as a result of their commission of an offence, the opportunity to serve their sentences in their own country,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Definitions

For the purpose of this Treaty:

(a) "judgment" means a decision or order of a court imposing a sentence;

(b) "Receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve his sentence or remainder thereof;

(c) "Transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been transferred;

(d) "sentence" means imprisonment or life imprisonment imposed by a decision or order of a court;

(e) "sentenced person" means a person undergoing a sentence of imprisonment under a judgment passed by a court established under the laws for the time being in force in the Parties.

ARTICLE 2

General Principle

1. The Parties shall afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty and the national law of each Party.

2. A person sentenced in the territory of one Party may be transferred under this Treaty, to the territory of the other Party in order to serve the sentence imposed on such person.

3. Transfer may be requested by any sentenced person who is a citizen of a Party or by any other person who is also a citizen of a Party and who is entitled to act on behalf of the sentenced person by making an application to either Party and in accordance with the laws of that Party.

4. The transfer of a sentenced person may also be requested by either the Transferring Party or the Receiving Party.

ARTICLE 3

Central Authorities

1. For the purpose of implementing this Treaty, each Party shall designate a Central Authority.

2. Central Authorities in charge of the implementation of this Treaty for the Parties are:

- For the Socialist Republic of Viet Nam: the Ministry of Public Security.

- For the Lao People's Democratic Republic: the Ministry of Public Security.

3. In case either Party changes its Central Authority, it shall notify in writing the other Party as soon as practicable of the same through diplomatic channels.

4. Unless otherwise required by this Treaty, the Central Authorities may communicate directly with each other for the purposes of this Treaty.

ARTICLE 4 **Conditions for Transfer**

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty on the following conditions:

(a) the sentenced person is a citizen of the Receiving Party; having the last place of residence in the territory of the receiving Party;

(b) the judgment is final and no other legal proceedings are pending against the sentenced person in the Transferring Party, including financial obligations to the sentenced person in the Transfer Party;

(c) the sentenced person has not been convicted for an offence in the military field;

(d) at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person has still at least one year of the sentence to serve, except in special at least six (06) months of the sentence to serve or is undergoing a sentence of life imprisonment;

(e) the crimes, for which the sentence was imposed are punished by deprivation of liberty according to criminal laws of the Receiving Party;

(f) the transfer of the sentenced person shall not be prejudicial to the sovereignty, national security or any other essential interest of the Parties;

(g) consent to the transfer is given by the sentenced person or, where in view of his/her age or physical or mental condition either Party considers it necessary, that the consent be given by any other person entitled to act on his/her behalf in accordance with the national laws of the Party; and

(h) the Transferring Party and the Receiving Party agree to the transferring.

2. The request for the transfer of a sentenced person shall be refused if there exists in the opinion of the Transferring Party, grounds to believe that

the sentenced person would be subjected to torture, inhuman or degrading treatment or punishment in the Receiving Party.

ARTICLE 5

Procedures for Transfer

1. The Parties shall endeavor to inform sentenced persons of the substance of this Treaty.

2. If a sentenced person expresses an interest to the Transferring Party to be transferred, and the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the following information:

(a) the name and family name, date and place of birth of the sentenced person, citizenship, and his/her last location or last permanent address (if available), in the Receiving Party along with a copy of his/her passport or any other personal identification documents, and fingerprints of the sentenced person, if possible;

(b) a statement of the facts upon which the conviction and sentence were based;

(c) the nature, duration and date of commencement of the sentence, the termination date of the sentence, if applicable, and the length of time already served by the sentenced person and any remission to which he or she is entitled on account of work done, good behavior, pre-trial confinement or other reasons;

(d) a certified copy of the judgment and a copy of the relevant provisions of the law under which the sentence has been passed against the sentenced person;

(e) if available, a medical, social or any other report regarding the antecedents and character of the sentenced person, where it is relevant for the disposal of his/her application or for deciding the nature of his/her confinement;

(f) any other information which the Receiving Party may specify as required, to enable it to consider the possibility of transfer and to enable it to inform the sentenced person of the full consequences of transfer for him/her

under its laws; and

(g) the request of the sentenced person to be transferred or of a person entitled to act on his/her behalf in accordance with the laws of the Transferring Party.

3. If a sentenced person expresses an interest to the Receiving Party to be transferred, the Receiving Party shall so inform in writing to the Transferring Party. If the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the information referred to in paragraph 2 of this Article.

4. If the Receiving Party, having considered the information which the Transferring Party has provided, is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable inform the Transferring Party in writing, and provide the following information:

(a) a statement indicating that the sentenced person is a citizen of the Receiving Party for the purposes of this Treaty; and

(b) a copy of the relevant law of the Receiving Party which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the Transferring Party constitute a criminal offence according to the law of the Receiving Party, or would constitute an offence and sentenced to deprivation liberty if committed on its territory; and

(c) a statement on the effect, in relation to the sentenced person, of any law or regulation relating to that person's detention in the Receiving Party after that person's transfer, including a statement, if applicable, of the effect on paragraph 2 of Article 8 of this Treaty upon that person's transfer; and

(d) the willingness of the Receiving Party to accept the transfer of the sentenced person and an undertaking to administer the remaining part of the sentence of the sentenced person; and

(e) any other information or document which the Transferring Party may consider necessary.

5. If the Transferring Party is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable provide the Receiving Party with the following:

(a) a declaration containing the sentenced person's consent to the transfer;

(b) written confirmation of the Transferring Party's consent to the transfer.

6. Where the Parties have agreed to the transfer, they shall make arrangements for the transfer of the sentenced person. Delivery of the sentenced person by the competent authorities of the Transferring Party to those of the Receiving Party shall occur on a date and at a place within the territory of the Transferring Party agreed upon by both Parties.

7. If either Party decides not to agree to the transfer, it shall as soon as practicable inform the other Party of its decision in writing, which clearly states the reason for disagreeing.

8. The Transferring Party shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the Transferring Party or the Receiving Party under the provisions of this Article.

ARTICLE 6.

Verification of Consent

1. The Transferring Party shall ensure that the sentenced person required to give consent to the transfer in accordance with paragraph 1(g) of Article 4 of this Treaty, does so voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedures for giving such consent shall be governed by the law of the Transferring Party.

2. The Transferring Party shall afford an opportunity to the Receiving Party to verify whether the consent is given in accordance with the conditions set out in paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 7

Effect of Transfer on the Receiving Party

Subject to the provisions of paragraph 2 Article 10 of this Treaty, the competent authorities of the Receiving Party shall continue the enforcement of the sentence through a court or administrative order, as may be required in accordance with its national laws and under the conditions set out in Article 8 of this Treaty.

ARTICLE 8**Continued Enforcement of Sentence**

1. The Receiving Party shall be bound by the legal nature and duration sentence of judgment as determined by the Transferring Party.

2. If the sentence is by its nature or duration incompatible with the laws of the Receiving Party, that Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law for a similar offence. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the Receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed in the Transferring Party. The adapted sentence shall be no more severe than that imposed by the Transferring Party in terms of nature or duration, nor exceed the maximum penalty prescribed by the law of the Receiving Party. When adapting the sentence, the competent authority of the Receiving Party may, however, not convert a sentence of imprisonment to a pecuniary sanction.

ARTICLE 9**Effect of Completion of Sentence on the Transferring Party**

When the Receiving Party notifies in writing to the Transferring Party under paragraph 1 (a) of Article 12 of this Treaty that the sentence has been completed, such notification shall have the effect of discharging the sentence of the sentenced person in the Transferring Party.

ARTICLE 10**Review of Judgment and Commutation, Pardon, Amnesty**

1. The Transferring Party alone shall decide on any application for review of the judgment.

2. The Transferring Party or the Receiving Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution and other laws.

ARTICLE 11**Termination of Enforcement of Sentence**

1. The Transferring Party shall as soon as practicable notify in writing to the Receiving Party of any decision taken in its territory which entails

terminating the enforcement of the sentence or part thereof.

2. The Receiving Party shall terminate enforcement of the sentence or part thereof as soon as it is informed by the Transferring Party of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

ARTICLE 12

Information on Enforcement of Sentence

1. The Receiving Party shall notify in writing to the Transferring Party:

(a) when the enforcement of the sentence has been completed; or

(b) if the sentenced person escapes from custody or dies before enforcement of the sentence has been completed. In the case of an escape of the prisoner, the Receiving Party shall take measures to secure his/her arrest and to render him/her liable for escaping under the relevant laws of the Receiving Party.

2. The Receiving Party shall furnish a special report concerning the enforcement of the sentence, if so required by the Transferring Party.

ARTICLE 13

Costs

Any cost incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the continued enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the Receiving Party,

The Transferring Party shall notify the costs of sentenced person transferring within the territory of the Transferring Party to the Receiving Party and the Receiving Party shall fulfill the costs by the time of transferring.

ARTICLE 14

Language

The requests and supporting documents shall be furnished in the language of Transferring Party and shall be accompanied by a certified translation into English, unless otherwise agreed between the parties.

ARTICLE 15

Obligations under other International Agreements

This Treaty shall not affect the rights or obligations of the Parties under

other international agreements or other agreements to which they are a party.

ARTICLE 16

Settlement of Disputes

1. The Central Authorities shall endeavour to mutually resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty.

2. If the Central Authorities are unable to resolve the dispute mutually, it shall be resolved through diplomatic channels.

ARTICLE 17

Handing Over of Sentenced Persons

1. The handing over of the sentenced person by the Transferring Party to the Receiving Party shall occur at a place and time to be agreed upon between the Parties. The Receiving Party shall be responsible for the transfer of the sentenced person from the Transferring Party and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the Transferring Party.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing in duplicate in the Vietnamese, Lao and English language.

ARTICLE 18

Amendments

This Treaty may be amended on the initiative of either Party. Any approved amendments agreed by the Parties shall come into force in the same manner as the Treaty itself.

ARTICLE 19

Final Provisions

1. This Treaty shall be subject to ratification under the laws of each Party. Each Party shall notify the other as soon as practicable, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force after 30 days of the date of the last notification.

2. The Treaty shall remain in force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Parties giving a written notice of

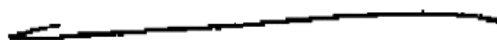
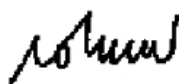
termination to other Party. The termination shall come into effect 180 days after the date on which such notice is received by the other Party.

3. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the requests for the transfer of sentenced persons made before the date on which such termination comes into effect.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective States, have signed this Treaty.

Done in duplicate at the city of Ha Noi on the 04th of January 2020, in the Vietnamese, Lao and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

**FOR THE SOCIALIST
REPUBLIC OF VIET NAM**



TO LAM

General – Minister of Public Security

**FOR THE LAO PEOPLE'S
DEMOCRATIC REPUBLIC**



Vilay LAKHAMPHONG

Pol.Lt.Gen – Minister of Public Security